

Số: 1979 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 16 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành,
bị bãi bỏ lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân
dân cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 1503/TTr-SVHTT ngày 13 tháng 8 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm cập nhật thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình điện tử, quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính này.

Điều 3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế có trách nhiệm: Niêm yết công khai thủ tục hành chính này tại trụ sở cơ quan và trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị; Hoàn thành việc cấu hình thủ tục hành chính trên phần mềm Hệ thống xử lý một cửa tập trung; Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết

định số 854/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục KSTTHC (VPCP) (gửi qua mạng);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (gửi qua mạng);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VH, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Thiên Định

Phụ lục

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

(Ban hành theo Quyết định số: 1979 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định TTHC
1.	Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện)	05 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc đăng ký trực tuyến qua phần mềm https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn	- Tại thành phố Huế, TX Hương Trà, TX Hương Thủy: + Từ 01 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy; + Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy; Tại các khu vực khác: + Từ 01 đến 05: mức thu lệ phí là 3.000.000 đồng/giấy; + Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy.	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019. - Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.
2.	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	04 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc đăng ký trực tuyến qua phần mềm	- Tại thành phố Huế, TX Hương Trà, TX Hương Thủy: Đối với trường hợp các	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ

			https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn	<p>cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 2.000.000 đồng/phòng.</p> <p>Tại các khu vực khác: Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 1.000.000 đồng/phòng.</p>	<p>trường, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p>
--	--	--	---	--	--

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	BVH-TTH-278900	Cấp Giấy phép kinh doanh karaoke (thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.	Văn hóa	UBND cấp huyện